

Số: /2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 4 tháng 12 năm 2018 quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 4 tháng 12 năm 2018 quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp (sau đây gọi là Nghị định số 163/2018/NĐ-CP).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2018/NĐ-CP như sau:

1. Bổ sung Khoản 4 Điều 3 như sau:

“4. Các hành vi vi phạm về phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của các tổ chức, cá nhân có liên quan bị xử phạt theo các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.”

2. Sửa đổi Khoản 6 và Khoản 8 Điều 6 như sau:

“6. Lãi suất danh nghĩa trái phiếu

a) Lãi suất danh nghĩa trái phiếu có thể xác định theo một trong các phương thức: lãi suất cố định cho cả kỳ hạn trái phiếu; lãi suất thả nổi; hoặc kết hợp giữa lãi suất cố định và thả nổi;

b) Trường hợp lãi suất danh nghĩa là lãi suất thả nổi, doanh nghiệp phát hành phải nêu cụ thể cơ sở tham chiếu để xác định lãi suất danh nghĩa tại phương án phát hành và công bố thông tin cho nhà đầu tư mua trái phiếu về cơ sở tham chiếu được sử dụng;



c) Doanh nghiệp quyết định lãi suất danh nghĩa cho từng đợt phát hành phù hợp với tình hình tài chính và khả năng thanh toán nợ nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại Điều 468 Luật Dân sự năm 2015. Lãi suất trái phiếu do tổ chức tín dụng phát hành ngoài việc tuân thủ quy định tại Nghị định này phải phù hợp với quy định về lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

d) Lãi suất phát hành trái phiếu được tính vào chi phí lãi vay của doanh nghiệp khi xác định thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế”.

"8. Giao dịch trái phiếu: trái phiếu doanh nghiệp phát hành tại thị trường trong nước bị hạn chế giao dịch trong phạm vi dưới một trăm (100) nhà đầu tư không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, trừ trường hợp theo quyết định của Tòa án hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật. Trái phiếu doanh nghiệp phát hành ra thị trường quốc tế, việc giao dịch thực hiện theo quy định tại thị trường phát hành."

3. Sửa đổi Khoản 1 Điều 10 như sau:

"1. Đối với trái phiếu không chuyển đổi hoặc trái phiếu không kèm theo chứng quyền:

a) Doanh nghiệp phát hành là công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam.

b) Có thời gian hoạt động tối thiểu từ 01 năm kể từ ngày được cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật. Đối với doanh nghiệp được tổ chức lại hoặc chuyển đổi, thời gian hoạt động được tính là thời gian hoạt động của doanh nghiệp bị chia (trong trường hợp chia doanh nghiệp), thời gian hoạt động của doanh nghiệp bị tách (trong trường hợp tách doanh nghiệp), thời gian hoạt động dài nhất trong số các doanh nghiệp bị hợp nhất (trong trường hợp hợp nhất doanh nghiệp), thời gian hoạt động của doanh nghiệp nhận sáp nhập (trong trường hợp sáp nhập công ty), thời gian hoạt động của doanh nghiệp trước và sau khi chuyển đổi (trong trường hợp chuyển đổi công ty).

c) Có báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định này.

d) Đảm bảo tuân thủ giới hạn về số lượng nhà đầu tư khi phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 và Khoản 8 Điều 6 Nghị định này.

đ) Có phương án phát hành trái phiếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt và chấp thuận theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.

e) Thanh toán đầy đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành hoặc thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đợt phát hành trái phiếu (nếu có), trừ trường hợp phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn.

g) Đáp ứng các tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

h) Đảm bảo dư nợ trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ tại thời điểm phát hành không vượt quá ba (03) lần vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính quý gần nhất tại thời điểm phát hành được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Riêng các tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

i) Mỗi đợt phát hành phải hoàn thành trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày công bố thông tin trước khi phát hành; đợt phát hành sau phải cách đợt phát hành trước tối thiểu sáu (06) tháng. Trái phiếu phát hành trong một đợt phát hành phải có cùng điều kiện, điều khoản.

k) Doanh nghiệp phát hành chỉ được phân phối trái phiếu sau khi nhà đầu tư xác nhận đã tiếp cận đầy đủ nội dung công bố thông tin trước khi phát hành và hiểu rõ những rủi ro khi mua trái phiếu.

l) Có tổ chức tư vấn phát hành trái phiếu là công ty chứng khoán theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 của Nghị định này; trừ trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty chứng khoán."

4. Sửa đổi điểm b Khoản 2 Điều 10 như sau:

"b) Đáp ứng các điều kiện phát hành quy định tại điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h, điểm i, điểm k, điểm l Khoản 1 Điều này;"

5. Sửa đổi Khoản 3 Điều 13 như sau:

"3. Báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành trong hồ sơ phát hành trái phiếu quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 7 Điều 4 Nghị định này. Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính là ý kiến chấp nhận toàn phần, trường hợp ý kiến kiểm toán là ý kiến ngoại trừ thì khoản ngoại trừ không ảnh hưởng đến điều kiện phát hành; doanh nghiệp phát hành phải có tài liệu giải thích hợp lý và có xác nhận của tổ chức kiểm toán về ảnh hưởng của việc ngoại trừ."

6. Sửa đổi điểm b Khoản 1 Điều 14 như sau:

"b) Mục đích phát hành trái phiếu, trong đó nêu cụ thể doanh nghiệp sử dụng nguồn vốn từ phát hành trái phiếu cho dự án đầu tư (tên dự án, thời gian triển khai dự án, chủ đầu tư); hoặc để tăng quy mô vốn hoạt động (nêu rõ mục đích sử dụng nguồn vốn từ phát hành trái phiếu cho mục tiêu cụ thể); hoặc cơ cấu lại khoản nợ (tên khoản nợ, giá trị và kỳ hạn vay nợ)."

7. Bổ sung điểm đ Khoản 2 Điều 14 như sau:



"đ) Việc ủy quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu hoặc ủy quyền thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu thực hiện theo Điều lệ của công ty về việc ủy quyền."

8. Bãi bỏ điểm d Khoản 1 Điều 15.

9. Sửa đổi Khoản 3 Điều 15 như sau:

"3. Tổ chức tư vấn về hồ sơ phát hành trái phiếu là công ty chứng khoán, được phép cung cấp dịch vụ tư vấn hồ sơ phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật chứng khoán. Khi cung cấp dịch vụ, tổ chức tư vấn phát hành có trách nhiệm rà soát việc đáp ứng quy định về điều kiện phát hành và hồ sơ phát hành trái phiếu quy định tại Điều 10, Điều 11 và Điều 13 của Nghị định này và chịu sự quản lý của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước."

10. Bổ sung Khoản 5 Điều 21 như sau:

"5. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể về chế độ công bố thông tin đối với doanh nghiệp phát hành và tổ chức lưu ký trái phiếu."

11. Sửa đổi Khoản 1, Khoản 2 Điều 22 như sau:

"1. Tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức đợt phát hành trái phiếu, doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin trước đợt phát hành cho các nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin cho Sở Giao dịch Chứng khoán."

a) Nội dung công bố thông tin trước đợt phát hành theo Mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Riêng đối với phát hành trái phiếu xanh, ngoài nội dung công bố thông tin theo quy định tại điểm a Khoản này, doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin về quy trình quản lý, giải ngân vốn từ phát hành trái phiếu xanh theo quy định tại Khoản 4 Điều 5 Nghị định này;

c) Doanh nghiệp phát hành gửi nội dung công bố thông tin trước đợt phát hành đến các nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu và Sở Giao dịch Chứng khoán theo hình thức hồ sơ giấy hoặc hồ sơ điện tử.

2. Đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu cho nhiều đợt phát hành:

a) Đối với đợt phát hành lần đầu, việc công bố thông tin trước khi phát hành thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

b) Đối với đợt phát hành sau, tối thiểu ba (03) ngày làm việc trước đợt phát hành trái phiếu, doanh nghiệp bổ sung các tài liệu theo quy định tại Khoản 2 Điều 13 Nghị định này để gửi cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu đồng thời gửi Sở Giao dịch Chứng khoán."

12. Sửa đổi Khoản 1 Điều 29 như sau:



“1. Sở Giao dịch Chứng khoán theo phân công của Bộ Tài chính có trách nhiệm tổng hợp thông tin về trái phiếu doanh nghiệp, xây dựng và vận hành chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp để công bố thông tin theo quy định tại Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27 và Điều 28 của Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính.”

13. Sửa đổi Điều 30 như sau:

“Điều 30. Báo cáo của Sở Giao dịch Chứng khoán, tổ chức lưu ký và tổ chức tư vấn phát hành về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp

1. Sở Giao dịch Chứng khoán thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý, năm về tình hình phát hành, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp, gồm phát hành tại thị trường trong nước và phát hành ra thị trường quốc tế theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Nội dung báo cáo của Sở Giao dịch chứng khoán bao gồm:

a) Số lượng doanh nghiệp phát hành trái phiếu trong đó chi tiết về loại hình doanh nghiệp gồm: công ty đại chúng, công ty cổ phần chưa đại chúng, công ty trách nhiệm hữu hạn; số đợt phát hành trái phiếu, trong đó bao gồm phát hành trái phiếu chuyển đổi, phát hành trái phiếu có bảo đảm, phát hành trái phiếu kèm theo chứng quyền, phát hành trái phiếu xanh;

b) Điều kiện điều khoản chính của trái phiếu dự kiến phát hành và kết quả phát hành;

c) Lãi suất phát hành bình quân của từng kỳ hạn;

d) Thị trường, địa điểm tổ chức phát hành;

đ) Báo cáo về tình hình đăng ký, lưu ký, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp, nội dung gồm:

- Số lượng doanh nghiệp đăng ký, lưu ký trái phiếu và khối lượng trái phiếu đăng ký, lưu ký trong kỳ; số lượng trái phiếu giao dịch trong kỳ.

- Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu;

- Số lượng nhà đầu tư sở hữu trái phiếu đối với từng mã trái phiếu được đăng ký.

2. Tổ chức lưu ký có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ sau khi có giao dịch chuyển nhượng trái phiếu. Tổ chức lưu ký cung cấp thông tin định kỳ hàng tháng, hàng quý, năm về tình hình đăng ký, lưu ký trái phiếu cho Sở Giao dịch chứng khoán để Sở Giao dịch Chứng khoán tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Tổ chức tư vấn phát hành trái phiếu thực hiện chế độ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và hàng năm cho Ủy ban Chứng khoán và Bộ Tài chính về tình hình tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp.



4. Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ báo cáo của Sở Giao dịch chứng khoán, tổ chức lưu ký và tổ chức tư vấn phát hành trái phiếu theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.”

14. Sửa đổi Điều 36 như sau:

“1. Thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn phát hành, tổ chức đấu thầu, đại lý, bảo lãnh phát hành cho doanh nghiệp phát hành trái phiếu theo hợp đồng cung cấp dịch vụ đã ký kết và theo quy định tại Nghị định này.

2. Rà soát việc tuân thủ quy định về giới hạn số lượng nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 và Khoản 8 Điều 6 Nghị định này, và quy định về điều kiện phát hành và hồ sơ phát hành tại Điều 10, Điều 11 và Điều 14 Nghị định này.”

15. Sửa đổi Khoản 2 Điều 37 như sau:

“2. Thực hiện cung cấp thông tin định kỳ về tình hình lưu ký, giao dịch trái phiếu và việc sở hữu trái phiếu doanh nghiệp của các nhà đầu tư cho Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định tại Điều 30 Nghị định này.”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2020.

2. Trái phiếu doanh nghiệp phát hành trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành tiếp tục thực hiện theo điều kiện, điều khoản của phương án phát hành đã phê duyệt; thực hiện việc lưu ký, báo cáo, công bố thông tin định kỳ và tuân thủ trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành trái phiếu theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp phát hành trái phiếu chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Thủ tướng, các PTT Chính phủ,
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW,
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng,
- Văn phòng Tổng bí thư,
- Văn phòng Quốc hội,
- Văn phòng Chủ tịch nước,
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao,
- Tòa án nhân dân tối cao,
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể,
- Công báo, Website Chính phủ, Website Bộ Tài chính,
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ, Cục, các đơn vị trực thuộc,
- Lưu: Văn thư, KTTH (b).

TM. CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc